TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 09 - 2024

V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH,TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận; bà Ngô Thị Ân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST- HNGĐ ngày 18/06/2024 về việc: "Không công nhận vợ chồng, tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Lê Văn K – sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- **Bị đơn**: Bà Vũ Thị N- sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 4/1990 và không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài. Đến nay xét thấy tình cảm với bà N không còn, ông Lê Văn K yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Vũ Thị N.

- Về con chung: Ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N có 02 con chung là anh Lê Văn C, sinh năm 1991 và chị Lê Thị N1, sinh năm 1994. Hiện nay cả anh C và chị N1 đã trưởng thành, đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Lê Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Ông Lê Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết bị đơn bà Vũ Thị N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 4/1990 và không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới ông, bà vẫn chung sống hòa thuận được khoảng 20 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài khiến cả hai bên vô cùng mệt mỏi. Đến nay ông K yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông K là vợ chồng thì bà cũng đồng ý đối với yêu cầu của ông K.

- Về con chung: Bà N và ông K có 2 con chung là anh Lê Văn C1, sinh năm 1991 và chị Lê Thị N1, sinh năm : 1994. Đến nay cả 2 con đều đã đủ tuổi thành niên và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ngày 28/06/2024, bà Vũ Thị N có đơn yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất thửa đất số 46, tờ bản đồ số 10 tại Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản trên đất gồm nhà ở cấp 4 và các công trình phụ. Tuy nhiên, đến ngày 12/09/2024 bà N đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chia tài sản. Ông K cũng đồng ý với việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà N.

- Về công nợ chung: Bà Vũ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bà N giữ nguyên ý kiến về việc xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà với ông K và đồng ý với ý kiến của ông K.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt

là BLTTDS); nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Nay ông K yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Vũ Thị N; bà Vũ Thị N cũng đồng ý. Vì vậy yêu cầu này của ông K là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về án phí: Ông Lê Văn K phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng: Ông Lê Văn K khởi kiện vụ án Hôn nhân gia đình về việc "Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng" giữa ông với bà Vũ Thị N có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành thụ lý vụ án "Không công nhận vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

2 Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau như vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 4/1990 từ đó cho đến nay, nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc này được cả ông K và bà N thừa nhận và đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T là nơi bà N cư trú trước khi cưới hỏi và Ủy ban nhân dân xã T là nơi ông K và bà N cư trú từ khi cưới hỏi đến nay. Như vậy việc kết hôn của ông K và bà N không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý. Đến nay ông Lê Văn K đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Vũ Thị N. Bà Vũ Thị N đồng ý. Căn cứ Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu Không công nhận vợ chồng của ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N có 02 con chung là anh Lê Văn C, sinh năm 1991 và chị Lê Thị N1, sinh năm 1994. Hiện nay cả anh C và chị N1 đã trưởng thành, đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3 Về án phí: Ông Lê Văn K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà N tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung bà N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn K

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N.

- **Về án phí:** Ông Lê Văn K phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) ông K đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002320 ngày 17/06/2024. Ông Lê Văn K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Vũ Thị Nghiệm S tiền 14.600.000 đ (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung bà N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002344 ngày 08/7/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Lê Văn K và bà Vũ Thị N. Ông K và bà N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải